

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01/02/2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trí

2. Bà Bùi Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

***Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Trạm kiểm dịch động vật, thôn P, xã P2, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc

(Bà T có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Xuân T trình bày: Bà T và ông Q kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là thị trấn C), huyện Cát Tiên, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn ở Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân do ông Q hay chơi bời, nhậu nhẹt dẫn đến nợ ở bên ngoài vợ chồng xảy ra xích mích cãi vã. Hiện nay tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T và ông Q được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Võ Thùy D sinh ngày 02/12/2010; Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2013, khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C số tiền 80.000.000 đồng, bà T đồng ý đứng ra chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ này theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn Quân đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Q vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C trình bày: Ngày 10/3/2022 bà T và ông Q vay Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng để chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 7,92%/1 năm; lãi suất quá hạn 10, 296%/1 năm, theo hợp đồng tín dụng số 6600000722333076. Nay vợ chồng bà T ông Q ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu bà T đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vi phạm các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Võ Thị Xuân T được ly hôn ông Nguyễn Văn Q; giao con chung tên Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 02/12/2010; Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/ tháng/1 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: buộc bà T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 80.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng; bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với

nhau trong cuộc sống nên bà Võ Thị Xuân T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Q; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Q tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn C), huyện C đăng ký kết hôn ngày 17/3/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T xin ly hôn vì lý do ông Q không chăm lo cuộc sống cho gia đình, tuy vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm gì đến nhau, Tòa án đã triệu tập ông Q đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Q vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã xảy ra các bên không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng mà để mặc mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống như vậy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông Q không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: bà T, ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 02/12/2010; Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2013, khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng, đồng thời các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cần giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng buộc ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1 cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ngày 10/3/2022 bà T và ông Q vay Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng để chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 7,92%/1 năm; lãi suất quá hạn 10, 296%/1 năm, theo hợp đồng tín dụng số 6600000722333076, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả số nợ 80.000.000đ cùng lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng, bà T cũng đồng ý trả số nợ trên. Xét yêu cầu của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C là có căn cứ cần chấp nhận buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000đ cùng lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân T về việc “Ly hôn” ông Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Xuân T được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 02/12/2010; Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2013 cho bà Thị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hàng tháng là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 2 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc bà Võ Thị Xuân T có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000đ cùng các khoản lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng tín dụng số 6600000722333076 đồng ngày 10/3/2022, cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Xuân T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010518 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng

